TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 159 /2019/ HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2019
"V/v Ly hôn giữa chị H và anh P"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

2. Ông **ĐỖ DUY HỪNG**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Không tham gia.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 444/2019/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **LÊ THỊ THU H**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: tổ 8, ấp 3, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **TRẦN HỮU P**, sinh năm 1977.

Địa chỉ : ấp C, xã D, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải nguyên đơn và phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thu H trình bày: Chị và anh P do quen biết và được gia đình cha mẹ 02 bên đồng ý nên tiến đến hôn nhân năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 4/2019 đến này. Nguyên nhân do tính tình không hợp, anh P ghen tuông vô cớ, có lời lẽ xúc phạm chị nên tình cảm vợ chồng không còn.

Con chung: Có 02 con chung là Trần Hà Phương T, sinh ngày 11/5/2012 và Trần Hà Phương T1, sinh ngày 04/5/2014 hiện sống chung với chị H.

Tài sản chung và nợ chung không có

Chị H xin được ly hôn anh P. Con chung yêu cầu nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

- Bị đơn anh Trần Hữu P tại bản tự khai, biên bản hòa giải trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị H về thời gian tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh xác định là do chị H hay ghen tuông, vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2019. Nay anh P cũng đồng ý ly hôn. Về con chung anh yêu cầu nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu chị Hà cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có.

Tại phiên tòa anh P không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu Tòa án giao con cho chị H nuôi anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng/ con. Tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa chị H kiên quyết ly hôn còn anh P không đồng ý ly hôn vì còn thương. Xét thấy, chị H, anh P tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên anh chị chung sống được 01 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau nên thường hay nghi ngờ làm cho mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, thường hay cãi nhau. Đối với anh P không đồng ý ly hôn, thiết tha được đoàn tụ nhưng anh không đưa ra biện pháp gì hiệu quả để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với chính quyền địa phương qua xác minh không nắm được vợ chồng chị H, anh P có mâu thuẫn. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị H được ly hôn anh P.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Hà Phương T, sinh ngày 11/5/2012 và Trần Hà Phương T1, sinh ngày 04/5/2014 hiện sống chung với H. Tại phiên tòa hôm nay cả chị H, anh P đều yêu cầu nuôi con chung khi ly hôn. Qua làm việc với cháu T có nguyện vọng sống chung với anh P. Xét thấy con chung sống với chị H và được chị chăm sóc, được đi học ổn định. Mặc dù cháu T có nguyện vọng sống với anh P nhưng hiện nay cháu đã đi học trên thành phố và ở cùng chị H. Do đó để tránh xáo trộn tâm sinh lý , đảm bảo sự phát tri ển của con chung và bản thân chị H cũng có công việc, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao cháu Trần Hà Phương T và Trần Hà Phương T1 cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị H không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng/ con nếu Tòa án giao con cho chị H nuôi. Xét thấy, sự tự nguyện của

anh P phù hợp qui định pháp luật thể hiện trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con đối với con chung sau ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Anh P chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016(phần nghĩa vụ cấp dưỡng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Thu H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thu Hà được ly hôn anh Trần Hữu P.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cho chị Lê Thị Thu H được quyền nuôi cháu Trần Hà Phương T, sinh ngày 11/5/2012 và Trần Hà Phương T1, sinh ngày 04/5/2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc anh Trần Hữu P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng/ con đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo qui định pháp luật.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 10480 ngày 27/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

Anh Trần Hữu P phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm(phần cấp dưỡng).

5. Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN TÚ ANH

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

(1) Ghi tên Toà án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh H).

(2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Uỷ ban nhân dân huyện S, thành phố H).

(3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi "sơ thẩm"; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi "phúc thẩm".

(4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.

(5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi "TLST", nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi "TLPT"; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.

(8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lẽ công bằng (nếu có).

(9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.